STATIC PERSPECTIVE

Decomposition style and Layer style and Uses style  
  
**1. Primary presentation:**



1. **Element catalog:**
2. Elements and their properties

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Elements | | Properties |
| GUI | ProductUI | Thể hiện giao diện để người quản lý có thể kiểm soát và thực hiện các thao tác lên giao diện như thêm mới sản phẩm, cập nhật,… |
| CategoryUI | Thể hiện giao diện quản lý các danh mục sản phẩm để người quản lý có thể thêm mới hay cập nhật một sản phẩm vào danh mục. Có thể cập nhật hoặc thêm mới một danh mục khác. |
| CustomerUI | Đây là giao diện để người cashier biết được những khách hàng VIP của công ty, thuận tiện cho việc truy xuất, thêm mới khách hàng VIP. |
| ManagementUI | Đây là giao diện cho người quản lý có thể quản lý những tài khoảng người dùng |
| StatisticUI | Giao diện này giúp người quản lý có thể thống kê sản phẩm |
| SalesUI | Giao diện này giúp người cashier có thể thực hiện việc thanh toán bill cho khách hàng. |
| Business Logic | ProductBL | Thực hiện các công việc xử lý tính toán mà người user thực hiện trên giao diện ProductUI | |
| CategoryBL | Thực hiện các công việc xử lý tính toán mà người user thực hiện trên giao diện CategoryUI | |
| CustomerBL | Thực hiện các công việc xử lý tính toán mà người user thực hiện trên giao diện CustomerUI | |
| StatisticBL | Thực hiện các công việc xử lý tính toán mà người user thực hiện trên giao diện StatisticUI | |
| UserAccountBL | Thực hiện các công việc xử lý tính toán mà người user thực hiện trên giao diện MagementUI | |
| SaleRetailStore  BL | Thực hiện các công việc xử lý tính toán mà người user thực hiện trên giao diện SalesUI | |
| Common | Đây là class chứa các hàm (hay biến) dùng chung cho các class khác ở layer Business Logic | |
| Data Transfer Object | ProductDTO | Chưa các biến thuộc riêng về Product (VD: mã Product, tên product,…), không chứa các hàm khác. | |
| CategoryDTO | Chưa các biến thuộc riêng về Category (VD: mã Category, tên Category,…), không chứa các hàm khác. | |
| CustomerDTO | Chưa các biến thuộc riêng về Customer (VD: mã Customer, tên Customer,…), không chứa các hàm khác. | |
| SaleRetailStore  DTO | Chưa các biến thuộc riêng về việc thanh toán bill với khách hàng (VD: mã Bill, ngày thực hiện,…), không chứa các hàm khác. | |
| UserDTO | Chưa các biến thuộc riêng về tài khoảng người dùng (VD: UserID, password,…), không chứa các hàm khác. | |
| Data Access | UserDB | Chứa các hàm xử lý việc truy xuất và lưu dữ liệu trên database liên quan đến tài khoảng người dùng | |
| ProductDB | Chứa các hàm xử lý việc truy xuất và lưu dữ liệu trên database liên quan đến sản phẩm | |
| CustomerDB | Chứa các hàm xử lý việc truy xuất và lưu dữ liệu trên database liên quan đến khách hàng | |
| CategoryDB | Chứa các hàm xử lý việc truy xuất và lưu dữ liệu trên database liên quan đến danh mục | |
|  | SaleRetailStore  DB | Chứa các hàm xử lý việc truy xuất và lưu dữ liệu trên database liên quan đến việc thanh toán hoá đơn. | |

1. Relations and their properties

|  |  |
| --- | --- |
| Connector | Properties |
| Allowed to use |  |
| Uses |  |

1. **Context diagram:**



1. **Architecture background:**

Explain the reason that we designed. It does include:

1. Rationale design
2. Analysis of results
3. Assumptions reflected in the design
4. **Glossary of terms:**

A brief description about glossary of terms used in the views

1. **Other information:**

Contents of this section will vary according to the standard practices of your organization. So it can:

* Management information such as authorship
* Configuration control data,

Change histories or use to record references to specific sections of a requirements document to establish traceability. Strictly speaking, information such as this is not architectural